

Số: 376/BB-THAD

Hung Đạo, ngày 05 tháng 12 năm 2025

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai danh sách lương tháng 12/2025, truy lĩnh
đối với cán bộ, viên chức**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thời gian nâng lương, thâm niên đối với cán bộ, viên chức;

I. Thời gian: từ 9h00', ngày 05/12/2025.

II. Địa điểm: Tại Trường Tiểu học Anh Dũng.

III. Thành phần:

- Đ/c Ngô Thị Thùy Linh - Hiệu trưởng, TB KTNB.
- Đ/c Nguyễn Thị Thu Trang - Phó Hiệu trưởng, Thành viên.
- Đ/c Nguyễn Thị Hồng Gấm - Tổ trưởng Tổ chuyên môn Tổ 1; Thành viên.
- Đ/c Nguyễn Thị Thu Hương - Tổ trưởng Tổ CM Tổ 2; Thành viên.
- Đ/c Nguyễn Thị Hà Phương - Tổ trưởng Tổ chuyên môn Tổ 3; Thư ký.
- Đ/c Trần Thị Thâu - Tổ trưởng Tổ chuyên môn Tổ 4; Thành viên.
- Đ/c Bùi Thị Thanh Hường - Tổ trưởng Tổ chuyên môn Tổ 5; Thành viên.
- Đ/c Phạm Thị Bích Ngọc - Tổ trưởng Tổ Văn phòng; Thành viên.

VI. Nội dung:

Lập biên bản về việc niêm yết công khai: danh sách lương tháng 12/2025, truy lĩnh bằng hình thức Niêm yết tại Wedside và bản tin nhà trường.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 9h00', ngày 05/12/2025, sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 9h00' ngày 05/01/2026 (30 ngày liên tục).

Thực hiện niêm yết công khai: danh sách lương tháng 12/2025, truy lĩnh bằng hình thức Niêm yết tại Webside và bản tin nhà trường, niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và phụ huynh học sinh biết.

Nội dung niêm yết bao gồm những hồ sơ sau:

1. Danh sách lương tháng 12/2025, truy lĩnh. (02 trang)

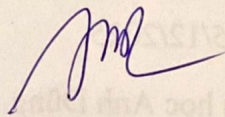
Việc niêm yết này được thực hiện trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 9h10' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- Webside nhà trường;
- Bảng công khai;
- Lưu: VT, HSCK.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hà Phương

HIỆU TRƯỞNG

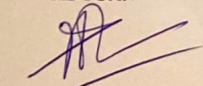


Ngô Thị Thùy Linh

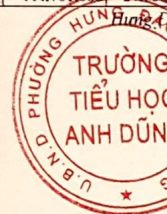
DANH SÁCH CHI LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2025

DANH SÁCH CHI LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2025																									
STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh	CDNN	MÃ SỐ CDNN	HỆ SỐ						SỐ TIỀN						BHXH, BHYT, BHTN 10,5%			BHXH, BHYT, BHTN 21,8%	TỔNG LƯƠNG ĐÃ TRỪ BHXH	TỔNG LƯU			
					HỆ SỐ LƯƠNG	PCC V	BẢO LƯU	PCUB 35%	% PCTN	HỆ SỐ PCTN	PC trách nhiệm	LƯƠNG	PCCV	BẢO LƯU	PCUB 35%	PCTN	PC TRÁCH NHIỆM	TỔNG	BHXH 8%				BHYT 1,5%	BHTN 1%	
I Biên chế																									
1	Ngô Thị Thủy Linh	HT	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00	0,4		1,5400	9%	0,3960		9.360.000	936.000	0	3.603.600	926.640	0	14.826.240	897.811	168.340	112.226	2.412.868	13.647.863	13.647.900
2	Nguyễn Thị Thu Trang	PHH	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00	0,3		1,5050	15%	0,6450		9.360.000	702.000	0	3.521.700	1.509.300	0	15.093.000	925.704	173.570	115.713	2.487.830	13.878.014	13.878.000
3	Phạm Thị Bích Ngọc	KT	Kế toán viên	V.06.03.1	4	3,33	0,2					0,10	7.792.200	468.000	0	0	0	234.000	8.494.200	660.816	123.903	82.602	1.775.943	7.626.879	7.626.900
4	Đinh Thị Vân	NV	Kế toán viên trung cấp	06.03.2	6	3,66			8.564.400				8.564.400	0	0	0	0	0	8.564.400	685.152	128.466	85.644	1.841.346	7.665.138	7.665.100
5	Nguyễn Thị Kim Chi	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	3	5,36			1,8760	35%	1,8760		12.542.400	0	0	4.389.840	4.389.840	0	21.322.080	1.354.579	253.984	169.322	3.640.432	19.544.195	19.544.200
6	Nguyễn Thị Hương	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02			1,7570	31%	1,5562		11.746.800	0	0	4.111.380	3.641.508	0	19.499.688	1.231.065	230.825	153.883	3.308.486	17.883.916	17.883.900
7	Lê Thị Ngọc Lan	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02			1,7570	29%	1,4558		11.746.800	0	0	4.111.380	3.406.572	0	19.264.752	1.212.270	227.301	151.534	3.257.975	17.673.648	17.673.600
8	Trần Thị Thu	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02	0,2		1,8270	27%	1,4094		11.746.800	468.000	0	4.275.180	3.297.996	0	19.787.976	1.241.024	232.692	155.128	3.335.251	18.159.132	18.159.100
9	Bùi Thị Thanh Hương	GV	GVTH Hàng I	V.07.03.27	2	4,74	0,2		1,7290	20%	0,9880		11.091.600	468.000	0	4.045.860	2.311.920	0	17.917.380	1.109.722	208.073	138.715	2.982.377	16.460.870	16.460.900
10	Lê Thị Phương	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	5	5,36			1,8760	33%	1,7688		12.542.400	0	0	4.389.840	4.138.992	0	21.071.232	1.334.511	250.221	166.814	3.586.499	19.319.686	19.319.700
11	Nguyễn Thị Thu Hương	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	3	4,68	0,2		1,7080	26%	1,2688		10.951.200	468.000	0	3.996.720	2.968.992	0	18.384.912	1.151.055	215.823	143.882	3.093.461	16.874.152	16.874.200
12	Hoàng Thị Mân	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02			1,7570	27%	1,3554		11.746.800	0	0	4.111.380	3.171.636	0	19.029.816	1.193.475	223.777	149.184	3.207.464	17.463.380	17.463.400
13	Nguyễn Thị Phương Liên	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00			1,4000	15%	0,6000		9.360.000	0	0	3.276.000	1.404.000	0	14.040.000	861.120	161.460	107.640	2.314.260	12.909.780	12.909.800
14	Nguyễn Thị Lý	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02			1,7570	27%	1,3554		11.746.800	0	0	4.111.380	3.171.636	0	19.029.816	1.193.475	223.777	149.184	3.207.464	17.463.380	17.463.400
15	Nguyễn Thị Hà Phương	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00	0,2		1,4700	13%	0,5460		9.360.000	468.000	0	3.439.800	1.277.640	0	14.545.440	888.451	166.585	111.056	2.387.713	13.379.348	13.379.300
16	Ngô Thị Hà Ngân	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67	0,07		0,9590				6.247.800	0	163.800	2.244.060	0	0	8.655.660	512.928	96.174	64.116	1.378.494	7.982.442	7.982.400
17	Nguyễn Thị Hồng Gấm	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00	0,2		1,4700	17%	0,7140		9.360.000	468.000	0	3.439.800	1.670.760	0	14.938.560	919.901	172.481	114.988	2.472.233	13.731.190	13.731.200
18	Trần Thị Thanh Xuân	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67	0,07		0,9590	7%	0,1918		6.247.800	0	163.800	2.244.060	448.812	0	9.104.472	548.833	102.906	68.604	1.474.989	8.384.129	8.384.100
19	Phạm Thị Hoa	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345	7%	0,1869		6.247.800	0	0	2.186.730	437.346	0	8.871.876	534.812	100.277	66.851	1.437.306	8.169.936	8.169.900
20	Đinh Thị Thanh Mai	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	3	2,72			0,9520	16%	0,4352		6.364.800	0	0	2.227.680	1.018.368	0	9.610.848	590.653	110.748	73.832	1.587.381	8.835.615	8.835.600
21	Nguyễn Thị Như Huệ	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07		0,8435	7%	0,1687		5.475.600	0	163.800	1.973.790	394.758	0	8.007.948	482.733	90.512	60.342	1.297.344	7.374.361	7.374.400
22	Nguyễn Thị Huệ	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	4			1,4000	10%	0,4000		9.360.000	0	0	3.276.000	936.000	0	13.572.000	823.680	154.440	102.960	2.213.640	12.490.920	12.490.900
23	Nguyễn Thị Kim Thanh	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07		0,8435	6%	0,1446		5.475.600	0	163.800	1.973.790	338.364	0	7.951.554	478.221	89.666	59.778	1.285.219	7.323.889	7.323.900
24	Phạm Hồng Phúc	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07		0,8435				5.475.600	0	163.800	1.973.790	0	0	7.613.190	451.152	84.591	56.394	1.212.471	7.021.053	7.021.100
25	Nguyễn Thị Thu Hòa	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345	8%	0,2136		6.247.800	0	0	2.186.730	499.824	0	8.934.354	539.810	101.214	67.476	1.450.739	8.225.853	8.225.900
26	Nguyễn Thị Diệu Mai	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345				6.247.800	0	0	2.186.730	0	0	8.434.530	499.824	93.717	62.478	1.343.277	7.778.511	7.778.500
27	Phạm Văn Hải	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34			0,8190			0,20	5.475.600	0	0	1.916.460	0	468.000	7.860.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	7.285.122	7.285.100
28	Lê Vĩnh Thịnh	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
29	Trần Thị Phương Thảo	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345				6.247.800	0	0	2.186.730	0	0	8.434.530	499.824	93.717	62.478	1.343.277	7.778.511	7.778.500
30	Phạm Thị Thủy Dung	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07		0,8435				5.475.600	0	163.800	1.973.790	0	0	7.613.190	451.152	84.591	56.394	1.212.471	7.021.053	7.021.100
31	Nguyễn Thị Thu Hằng	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345	8%	0,2136		6.247.800	0	0	2.186.730	499.824	0	8.934.354	539.810	101.214	67.476	1.450.739	8.225.853	8.225.900
32	Vũ Thị Quỳnh Trang	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,340			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
33	Trần Thị Trang	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345				6.247.800	0	0	2.186.730	0	0	8.434.530	499.824	93.717	62.478	1.343.277	7.778.511	7.778.500
34	Nguyễn Thị Huyền Vi	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
35	Phạm Thị Hương	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	3,000			1,0500	6%	0,1800		7.020.000	0	0	2.457.000	421.200	0	9.898.200	595.296	111.618	74.412	1.599.858	9.116.874	9.116.900
Cộng biên chế						122,03	1,9	0,42	41,006		18,069	0,30	285.550.200	4.446.000	982.800	95.954.040	42.281.928	702.000	429.916.968	26.660.874	4.998.914	3.332.609	71.651.100	394.924.571	394.924.600
II Hợp đồng III																									
01	Bùi Thị Thanh Xuân					2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
02	Nguyễn Ngọc Trâm					2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
Cộng hợp đồng						4,680			1,638				10.951.200	0	0	3.832.920	0	0	14.784.120	876.096	164.268	109.512	2.354.508	13.634.244	13.634.200
Tổng cộng						126,71	1,9	0,42	42,644		18,069	0,30	296.501.400	4.446.000	982.800	99.786.960	42.281.928	702.000	444.701.088	27.536.970	5.163.182	3.442.121	74.005.608	408.558.815	408.558.800

KẾ TOÁN



Phạm Thị Bích Ngọc

Hưng Đạo, ngày 05 tháng 12 năm 2025

TRƯỜNG TIỂU HỌC ANH DŨNG

 Ngô Thị Thủy Linh

DANH SÁCH TRUY LĨNH THÂM NIÊN
Từ tháng 10/2025 đến 31/11/2025

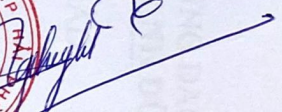
Stt	Họ tên	Lương hiện hưởng						Lương mới						Thời gian hưởng	Truy lĩnh hệ số lương 1 tháng	Số tháng truy lĩnh	Tổng hệ số truy lĩnh	Số tiền truy lĩnh						Tổng cộng	21,5% BHXH, BHYT, BHTN	10,5% BHXH	Thực lĩnh	Lý do tăng
		Hệ số lương	Hệ số PC CV	Hệ số PC TN	Vượt khung, Bảo lưu	PCTN %	HSPC ưu đãi 35%	Hệ số lương	Hệ số PC CV	Hệ số PC TN	Vượt khung, Bảo lưu	PCTN %	HSPC ưu đãi 35%					Lương chính	PC chức vụ	PC trách nhiệm	Vượt khung, Bảo lưu	Thâm niên	PC ưu đãi 35%					
1	Ngô Thị Thùy Linh	4,00	0,40		0,000	0,352	1,540	4,00	0,40			0,396	1,540	01/10/2025	0,0440	2	0,0880	0	0	-	0	205,920	0	205,920	44,273	21,622	184,300	TLTN
CỘNG		4,000	0,400	0,000	0,000	0,352	1,540	4,000	0,400	0,000	0,000	0,396	1,540		0,0440	2	0,0880	0	0	0	0	205,920	0	205,920	44,273	21,622	184,300	

KÊ TOÁN



Phạm Thị Bích Ngọc

Hung Đạo, ngày 18 tháng 11 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG


Ngô Thị Thùy Linh